

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA BỂ
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2021/HS-ST

Ngày: 28-9-2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Anh Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: **Hoàng Thăng Bắc**.

Bà: **Nguyễn Thị Nga**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Văn Thế** - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung** và Bà **Hoàng Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2021/TLST-HS, ngày 16 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/HSST-QĐ ngày 15 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Vũ Ngọc D, sinh ngày 17/4/1994, tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKKTT và nơi ở hiện nay: Thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Ngọc S và bà Nông Thị Mai S; Bị cáo chưa có vợ con; tiền án: 01 (Năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng về “Cố ý gây thương tích” tại bản án số 26/2017/HSST ngày 04/7/2017); tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 15/12/2020, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt bị 12 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”. Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn đến nay, có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo:* Bà **Nguyễn Phương Bằng** - Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Nông Thị Mai S**, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Thôn No, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

2. Bà Nông Thị O, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
3. Chị Nguyễn Thị Phương Ch, sinh năm: 1996. Địa chỉ: Thôn Kh, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.
4. Anh Triệu Văn H, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Thôn B, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
5. Anh Ma Nguyễn M, sinh năm: 1992. Địa chỉ: T7, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
6. Anh Nguyễn Duy A, sinh năm: 1993. Địa chỉ: T8, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
7. Anh Hoàng Anh D, sinh năm: 1992. Địa chỉ: T7, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
8. Anh Ngô Duy H, sinh năm: 1992. Địa chỉ: T2, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
9. Anh Dương Văn D, sinh năm: 1985. Địa chỉ: T4, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
10. Anh Dương Đức C, sinh năm: 1991. Địa chỉ: T5, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
11. Chị Trung Thị Tr, sinh năm: 1991. Địa chỉ: T6, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
12. Anh Phạm Hoàng A, sinh năm: 1981. Địa chỉ: T1, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
13. Anh Nguyễn Xuân Th, sinh năm: 1984. Địa chỉ: T3, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
14. Bà Nông Thị Th, sinh năm: 1966. Địa chỉ: T5, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
15. Anh Đặng Quốc Kh, sinh năm: 1984. Địa chỉ: T6, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
16. Chị Nông Thị Đ, sinh năm: 1983. Địa chỉ: T2, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
17. Anh Hoàng Văn C, sinh năm: 1990. Địa chỉ: T1, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
18. Chị Hoàng Thị Th, sinh năm: 1982. Địa chỉ: T2, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
19. Ông Hoàng Văn V, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
20. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

21. Anh Lý Văn Tr, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Thôn Kh, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
22. Ông Lý Văn T, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Thôn Kh, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
23. Bà Nông Thị V, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
24. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 2001. Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
25. Anh Dương Văn S, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
26. Anh Đặng Thành Gi, sinh năm: 2000. Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
27. Ông Hoàng Văn K, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
28. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
29. Anh Lý Văn Th, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Thôn Kh, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
30. Anh Nông Văn B, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
31. Anh Lê Văn V, sinh năm: 1997. Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
32. Ông Đoàn Viết T, sinh năm: 1966. Địa chỉ: Thôn Ph, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.
33. Ông Lý Văn Đ, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Thôn Ph, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
34. Ông Triệu Kim Th, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Thôn Ph, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
35. Anh Nông Ích H, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
36. Bà Đàm Thị B, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Thôn Th, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
37. Bà Hoàng Thị V, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Thôn N, xã Ngh, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
38. Chị Phạm Thị Y, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Thôn Kh, xã Ngh, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
39. Anh Vỹ Văn D, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Thôn T, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

40. Anh Triệu Văn N, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Thôn T, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
41. Anh Lương Văn Tr, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Thôn Kh, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
42. Chị Hoàng Thị L, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Thôn Ph, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
43. Ông Triệu Văn V, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Thôn B, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
44. Anh Sầm Văn H, sinh năm: 1999. Địa chỉ: Thôn N, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
45. Anh Dương Văn V, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Thôn B, xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
46. Bà Vi Thị Kiều X, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Thôn B, xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
47. Anh Hoàng Văn Tr, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
48. Anh La Dương H, sinh năm: 1998. Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
49. Bà Dương Thị Th, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
50. Anh Dương Văn N, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
51. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm: 1999. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
52. Anh Trương Thế T, sinh năm: 2000. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
53. Anh Hoàng Văn T, sinh năm: 2000. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
54. Bà Bé Thị L, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
55. Anh Triệu Văn M, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
56. Chị Lục Thị Th, sinh năm: 1980. Địa chỉ: T6, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
57. Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm: 1994. Địa chỉ: Thôn Kh, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
58. Anh Lương Quốc Đ, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Tổ x, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

59. Anh Chu Lý Tr, sinh năm: 1995. Địa chỉ: Thôn N, xã Qu, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
60. Anh Hoàng Văn T, sinh năm: 1993. Địa chỉ: T3, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
61. Anh Lâm Ngọc H, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Tổ c, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.
62. Ông Luân Duy Ch, sinh năm: 1979. Địa chỉ: T4, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
63. Bà Dương Thị B, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Thôn Ph, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
64. Anh Triệu Đức H, sinh năm: 1998. Địa chỉ: Thôn P, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
65. Ông Hoàng Văn T, sinh năm: 1973. Địa chỉ: Thôn Ph, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
66. Ông Trịnh Xuân L, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.
67. Ông Hà Sỹ M. Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn (Đã chết). Người đại diện hợp pháp: Bà Hà Thị L. Địa chỉ: Thôn Kh, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
68. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ t, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
69. Anh Phùng Kiềm C, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn Ph, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
70. Anh Vũ Đức Th, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ m, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
71. Chị Nông Thị Thu D, sinh năm 1990. Địa chỉ: Phố Đ, Thị trấn Ph, huyện B, Bắc Kạn. Vắng mặt.
72. Chị Nông Thị Thanh Th, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn Ph, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
73. Bà Dương Thị L, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
74. Anh Triệu Văn B, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn B, xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
75. Anh La Quang Ch, sinh năm 1982. Địa chỉ: T8, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.
76. Anh Triệu Hữu Ph, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn N, xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

77. Anh Lục Hải Qu, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ b, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

78. Anh Đoàn Mạnh H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn N, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

79. Anh Hoàng Phúc H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn Th, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ cuối năm 2017, bị cáo Vũ Ngọc D cho nhiều cá nhân vay tiền để thu lãi. Tháng 5/2018, bị cáo D thuê địa điểm mở quầy kinh doanh mua bán ô tô, xe máy tại tiểu khu x, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hoạt động cho người khác vay tiền thu lãi với ba hình thức: Hình thức thứ nhất là cho vay tính lãi suất theo ngày hoặc theo kỳ (kỳ 10 ngày) hay còn gọi là vay lãi nằm, có nghĩa là khi vay thì người vay nhận đủ số tiền vay và phải trả lãi suất theo ngày hoặc kỳ do thỏa thuận. Với hình thức này bị cáo D tính lãi suất với người vay bằng cách lấy số tiền vay nhân với phần trăm theo tháng rồi chia cho ngày hoặc kỳ để thu tiền lãi, thường thì bị cáo thu từ 9%/tháng đến 30%/tháng, tương đương với số tiền là 3.000đ/01 triệu/01 ngày đến 10.000đ/01 triệu/01 ngày (bằng 109,5% đến 365%/năm, gấp từ 5,48 lần đến 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự). Tuy nhiên, có trường hợp bị cáo thu lãi đến 60%/tháng, tương đương số tiền là 20.000đ/01 triệu/01 ngày (bằng 730%/năm, gấp 36,5 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự) nhưng cũng có trường hợp bị cáo chỉ thu 7%/tháng, tương đương với số tiền 2.333đ/01 triệu/01 ngày (bằng 85%/năm, chưa vượt quá 100%/năm của khoản tiền cho vay); Hình thức thứ hai là cho vay tiền có thế chấp tài sản, có nghĩa là khi vay người vay phải có tài sản như ô tô, xe máy, sổ địa tô, đăng ký xe mô tô, xe máy...để thế chấp. Đối với hình thức này bị cáo D thu lãi của những người vay như hình thức vay lãi nằm; Hình thức thứ ba là cho vay trả góp hay còn gọi là vay họ, tức là cho vay tiền nhưng cắt lãi, khấu trừ lãi luôn vào số tiền vay và sau đó người vay phải trả góp số tiền vay trong thời gian thỏa thuận từ 20 ngày đến 60 ngày. Đối với ba hình thức trên khi vay tiền thường thì người vay phải viết giấy biên nhận vay tiền, giấy này do bị cáo chuẩn bị sẵn theo mẫu in trong giấy chỉ ghi thông tin người vay, số tiền vay, tài sản thế chấp hoặc giấy tờ tùy thân và ký tên, còn lãi suất không ghi mà chỉ thỏa thuận bằng miệng. Đến tháng 9/2019, bị cáo D chuyển địa điểm kinh doanh đến tiểu khu z, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Tại đây bị cáo D tiếp tục cho nhiều người vay tiền, việc cho người khác vay tiền không nằm trong hình thức đăng ký kinh doanh và không được cơ quan có thẩm quyền nào cho phép, bị cáo tự bỏ tiền ra cho nhiều người vay và thu lãi suất theo các hình thức lãi nằm, lãi họ và thế chấp tài sản, lãi suất tùy theo thỏa thuận. Toàn bộ giấy tờ, sổ sách thu được trong vụ án liên quan đến hành vi cho vay tiền thu lãi đều là của bị cáo Vũ Ngọc D, bị cáo D trực tiếp lập sổ, ghi chép vào sổ để theo dõi, quản lý hoạt động cho vay.

Các tài liệu thu thập được thể hiện từ năm 2017 đến năm 2020, bị cáo D đã cho 193 người vay tiền với 608 lượt vay, trong khoảng thời gian từ ngày 21/9/2017 đến 15/9/2020 có 61 người vay (bằng 138 lượt vay) với tổng số tiền vay là 1.528.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm hai mươi tám triệu đồng*); Dương đã thu tiền lãi theo thỏa thuận từ ngày 01/01/2018 đến ngày 15/9/2020 là 568.612.000^d (*Năm trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng*). Trong đó xác định được số tiền lãi thu vượt 20%/năm đối với khoản vay tính lãi suất vượt gấp 5 lần mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự cho phép (thu lợi bất chính) là 528.007.340^d (*Năm trăm hai mươi tám triệu không trăm linh bảy nghìn ba trăm bốn mươi đồng*), cụ thể:

1. Ma Nguyễn M, vay 05 lượt lãi nằm với tổng số tiền vay là 25.000.000 đồng; lãi đã thu là 21.970.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **20.738.767 đồng**, M đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

2. Nguyễn Duy A, vay 03 lượt lãi nằm với tổng số tiền vay là 38.000.000 đồng; lãi đã thu là 12.900.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **12.193.150 đồng**, A đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

3. Hoàng Anh D, vay 02 lượt lãi nằm với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng; lãi đã thu là 12.100.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **11.436.987 đồng**, D đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

4. Ngô Duy H, vay 01 lượt lãi nằm với tổng số tiền vay là 1.000.000 đồng; lãi đã thu là 600.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **566.575 đồng**, H đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

5. Dương Văn D, vay 05 lượt vay lãi nằm với tổng số tiền vay là 245.000.000 đồng; lãi đã thu là 99.480.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **91.841.644 đồng**, D còn nợ bị cáo D 30.000.000 đồng tiền gốc.

6. Dương Đức C, vay 02 lượt lãi nằm với tổng số tiền vay là 120.000.000 đồng; lãi đã thu là 10.000.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **6.416.438 đồng**, C đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

7. Trung Thị Tr, vay 01 lượt lãi nằm với tổng số tiền vay là 13.000.000 đồng; lãi đã thu là 1.950.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **1.843.151 đồng**, Tr đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

8. Phạm Hoàng A, vay 04 lượt lãi nằm với tổng số tiền vay là 38.000.000 đồng; lãi đã thu là 12.810.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **11.807.259 đồng**, Phạm Hoàng A còn nợ bị cáo D số tiền gốc 8.000.000 đồng.

9. Nguyễn Xuân Th, vay 05 lượt lãi nằm với tổng số tiền vay là 60.000.000 đồng; lãi đã thu là 18.320.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **17.207.671 đồng**, Th đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

10. Nông Thị Th, vay 05 lượt lãi nằm với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng; lãi đã thu là 10.660.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **10.285.753 đồng**, Th đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

11. Đặng Quốc Kh, vay 01 lượt lãi nằm với tổng số tiền vay là 5.000.000 đồng; lãi đã thu là 3.750.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **3.339.041 đồng**, Kh còn nợ bị cáo D 5.000.000 đồng tiền gốc.

12. Nông Thị Đ, vay 02 lượt lãi nằm với tổng số tiền vay là 9.500.000 đồng; lãi đã thu là 3.050.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **2.882.876 đồng**, Đ đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

13. Hoàng Văn C, 01 lượt vay lãi nằm với tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng; lãi đã thu là 700.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **645.205 đồng**, C đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

14. Hoàng Thị Th, vay 01 lượt lãi nằm với tổng số tiền vay là 3.000.000 đồng; lãi đã thu là 480.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **466.849 đồng**, Th đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

15. Hoàng Văn V, vay 05 lượt lãi nằm với tổng số tiền vay là 134.000.000 đồng; lãi đã thu là 21.010.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **19.990.273 đồng**, V đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

16. Nguyễn Thị H, 02 lượt vay lãi nằm với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng; lãi đã thu là 19.000.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **17.958.904 đồng**, H đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

17. Lý Văn Tr, 02 lượt vay lãi nằm với tổng số tiền vay là 10.500.000 đồng; lãi đã thu là 4.755.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **4.494.452 đồng**, Tr đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

18. Lý Văn T, vay 01 lượt lãi nằm với tổng số tiền vay là 25.000.000 đồng; lãi đã thu là 23.800.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **22.156.164 đồng**, T đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

19. Nông Thị V, vay 04 lượt lãi nằm với tổng số tiền vay là 8.000.000 đồng; lãi đã thu là 5.080.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **4.822.466 đồng**, V đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

20. Nguyễn Văn H, vay 01 lượt lãi nằm với tổng số tiền vay là 500.000 đồng; lãi đã thu là 300.000 đồng, trong đó: Số tiền D đã thu lợi bất chính từ ngày 01/01/2018 là **0 đồng**, H đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

21. Dương Văn S, vay 01 lượt lãi nằm với tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng; lãi đã thu là 2.000.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **1.890.411 đồng**, S đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

22. Đặng Thành Gi, vay 01 lượt lãi nằm với tổng số tiền vay là 300.000 đồng; lãi đã thu là 340.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính từ ngày 01/01/2018 là **0 đồng**, Gi đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

23. Hoàng Văn K, vay 01 lượt lãi nằm với tổng số tiền vay là 13.000.000 đồng; lãi đã thu là 1.300.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **1.264.384 đồng**, K đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

24. Nguyễn Văn B, vay 01 lượt lãi năm tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng; lãi đã thu là 500.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **472.603 đồng**, B đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

25. Lý Văn Th, vay 01 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng; lãi đã thu là 4.000.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **3.342.466 đồng**, Th đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

26. Nông Văn B, vay 01 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 6.000.000 đồng; lãi đã thu là 1.842.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **1.730.220 đồng**, B đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

27. Lê Văn V, vay 01 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 2.000.000 đồng; lãi đã thu là 360.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **340.274 đồng**, V đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

28. Đoàn Viết T, vay 06 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 80.000.000 đồng; lãi đã thu là 40.060.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **36.947.671 đồng**, T đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

29. Lý Văn Đ, vay 04 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 29.000.000 đồng; lãi đã thu là 13.690.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **12.935.480 đồng**, Đ đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

30. Triệu Kim Th, vay 01 lượt lãi năm tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng; lãi đã thu là 700.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **645.205 đồng**, Th đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

31. Nông Ích H, vay 01 lượt lãi năm với tổng số vay là 3.000.000 đồng; lãi đã thu là 330.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **311.918 đồng**, H đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

32. Đàm Thị B, vay 01 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 15.000.000 đồng; lãi đã thu là 1.500.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **1.401.370 đồng**, B đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

33. Hoàng Thị V, vay 02 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng; lãi đã thu là 11.190.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **10.458.494 đồng**, V đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

34. Phạm Thị Y, vay 02 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 8.000.000 đồng; lãi đã thu là 7.400.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **6.963.835 đồng**, Y đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

35. Vy Văn D, vay 04 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 26.000.000 đồng; lãi đã thu là 12.180.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **11.512.603 đồng**, D đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

36. Triệu Văn N, vay 07 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 36.000.000 đồng; lãi đã thu là 9.400.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **8.884.931 đồng**, N đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

37. Lương Văn Tr, vay 01 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 5.000.000 đồng; lãi đã thu là 500.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **464.384 đồng**, Tr đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

38. Hoàng Thị L, vay 01 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 5.000.000 đồng; lãi đã thu là 1.000.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **945.205 đồng**, L đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

39. Triệu Văn V, vay 01 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng; lãi đã thu là 5.000.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **4.726.027 đồng**, V đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

40. Sầm Văn H, vay 03 lượt lãi năm tổng số tiền vay là 2.000.000 đồng; lãi đã thu là 500.000 đồng; Số tiền đã thu lợi bất chính là **472.604 đồng**, H đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

41. Dương Văn V, vay 04 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 17.500.000 đồng; lãi đã thu là 5.480.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **5.141.095 đồng**, V đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

42. Vi Thị Kiều X, vay 02 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 6.600.000 đồng; lãi đã thu là 2.100.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **2.041.917 đồng**, X đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

43. Hoàng Văn Tr, vay 02 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 62.000.000 đồng; lãi đã thu là 50.800.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **48.016.439 đồng**, Tr đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

44. La Dương H, vay 02 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 2.500.000 đồng; lãi đã thu là 500.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **472.604 đồng**, H đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

45. Dương Thị Th, vay 02 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 6.000.000 đồng; lãi đã thu là 7.200.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **6.969.863 đồng**, Th đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

46. Dương Văn N, vay 02 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 7.000.000 đồng; lãi đã thu là 5.100.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **4.842.466 đồng**, Th đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

47. Nguyễn Văn V, vay 05 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 3.000.000 đồng; lãi đã thu là 825.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **782.534 đồng**, V đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

48. Trương Thế T, vay 03 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 9.100.000 đồng; lãi đã thu là 3.500.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **3.325.205 đồng**, T đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

49. Hoàng Văn T, vay 01 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 500.000 đồng; lãi đã thu là 170.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **160.685 đồng**, T đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

50. Bế Thị L, vay 01 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng; lãi đã thu là 19.660.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **18.618.904 đồng**, L đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

51. Triệu Văn M, vay 01 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 2.000.000 đồng; lãi đã thu là 400.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **378.082 đồng**, M đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

52. Lục Thị Th, vay 02 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 16.000.000 đồng; lãi đã thu là 10.000.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **9.452.054 đồng**, Th đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

53. Nguyễn Văn Ph, vay 06 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 83.000.000 đồng; lãi đã thu là 18.890.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **17.698.219 đồng**, Ph đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

54. Lương Quốc Đ, vay 02 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 50.000.000 đồng; lãi đã thu là 7.420.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **6.839.178 đồng**, Đ đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

55. Chu Lý Tr, vay 02 lượt lãi năm tổng số tiền vay là 75.000.000 đồng; lãi đã thu là 36.300.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **32.305.480 đồng**, Tr đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

56. Hoàng Văn T, vay 01 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 1.000.000 đồng; lãi đã thu là 180.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **170.137 đồng**, T đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

57. Lâm Ngọc H, vay 01 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 5.000.000 đồng; lãi đã thu là 1.000.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **945.205 đồng**, H còn nợ bị cáo D số tiền gốc là 5.000.000 đồng.

58. Luân Duy Ch, vay 01 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 5.000.000 đồng; lãi đã thu là 500.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **472.603 đồng**, Ch đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

59. Dương Thị B, vay 02 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 7.000.000 đồng; lãi đã thu là 2.300.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **2.173.973 đồng**, B còn nợ bị cáo D số tiền gốc là 7.000.000 đồng.

60. Triệu Đức H, vay 01 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 1.000.000 đồng; lãi đã thu là 200.000 đồng, trong đó lãi đã thu kể từ ngày 01/01/2018 là 120.000 đồng, số tiền đã thu lợi bất chính là **113.425 đồng**, H đã trả toàn bộ tiền gốc cho bị cáo D.

61. Hoàng Văn T, vay 01 lượt lãi năm với tổng số tiền vay là 3.000.000 đồng; lãi đã thu là 300.000 đồng, trong đó: Số tiền đã thu lợi bất chính là **283.562 đồng**, T còn nợ bị cáo D 3.000.000 đồng tiền gốc.

Ngoài ra, bị cáo D còn cho nhiều người khác vay tiền với hình thức cho vay trả góp hay còn gọi là vay hộ: Xác định có 19 người vay (bằng 51 lượt vay) với tổng số tiền vay là 769.000.000 đồng gồm: Nguyễn Duy A, Dương Văn D,

Dương Đức C, Nông Thị Bình Y, La Quang Ch, Doãn Văn Đ, Nguyễn Công Tr, Nguyễn Văn Nh, Lý Văn T, Lý Văn Th, Nông Văn B, Lương Ngọc Th, Nguyễn Anh T, Hoàng Văn Tr, Mai Sỹ Th, Triệu Đức H, Dương Văn V, Vi Thị Kiều X, Đặng Văn X. Những người này khai khi cho vay, D cắt lãi luôn từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/10.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc vay mượn chỉ có hai bên, sổ ghi chép của bị cáo D thể hiện ghi số tiền thu trả góp tiền gốc hàng ngày (Ví dụ: Nông Thị Bình Y ngày 14/9/2017 vay họ 2.000.000 đồng đóng 100.000 đồng/ngày, các cột trong sổ từ 15/9 đến 04/10 dưới đầu tích V, thể hiện đã đóng 100.000 đồng/ngày), không thể hiện cắt lãi bao nhiêu, người vay không có giấy tờ, tài liệu vay mượn để chứng minh. Bị cáo D khai nhận được thu lãi từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/10.000.000 đồng/20 ngày, bằng 18,25%/năm đến 36,5%/năm, không vượt quá gấp 5 lần đối với khoản tiền cho vay nên không đủ căn cứ để xử lý.

Đối với những người vay còn lại, một số người bị cáo D tính lãi suất thấp hơn 100% khoản tiền cho vay/năm hoặc không tính lãi; một số người vay không có mặt tại địa phương, không biết hiện nay đang ở đâu; một số không có họ tên, địa chỉ rõ ràng; có người đã chết nên không gọi hỏi làm việc để làm rõ được. Ngoài ra, do thời gian vay tiền đã lâu nên một số người vay không nhớ được khoản tiền mình đã vay, khi vay không giữ giấy tờ gì nên không nhớ, nhớ không đầy đủ thông tin khi vay, do vậy không có căn cứ để xử lý đối với bị cáo D.

Nguồn gốc số tiền bị cáo Vũ Ngọc D cho nhiều người vay để thu lãi suất, bị cáo D mượn của mẹ là bà Nông Thị Mai S 100.000.000 đồng, của di ruột của bị cáo D là bà Nông Thị O số tiền 20.000.000 đồng và tiền lãi thu được của người vay bị cáo D.

Như vậy, bị cáo Vũ Ngọc D thực hiện hành vi cho vay lãi nặng đối với 61 cá nhân/138 lượt có giao dịch vay tiền, tổng số tiền cho vay là 1.528.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm hai mươi tám triệu đồng*), mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 730%/năm, cao hơn so với mức cao nhất theo qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là từ 5,48 đến 36,5 lần, tổng số tiền lãi đã thu là 568.612.000 đồng (*Năm trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng*); Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 40.604.660 đồng (*Bốn mươi triệu sáu trăm linh bốn nghìn sáu trăm sáu mươi đồng*); số tiền thu lợi bất chính: 528.007.340 đồng (*Năm trăm hai mươi tám triệu không trăm linh bảy nghìn ba trăm bốn mươi đồng*). Bị cáo Vũ Ngọc D đã thu được số tiền gốc cho vay là 1.469.200.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm sáu mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng*).

Quá trình điều tra đã thu giữ được các tài liệu, đồ vật: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen loại có bàn phím; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu trắng, màn hình bị vỡ tại góc bên trái; 01 túi xách da màu nâu xám; 01 túi xách màu đen; 06 túi bóng kính nhựa; 05 quyển sổ bìa xanh ký hiệu V1, V2, V4, V5, V7; 01 quyển sổ bìa màu đen ký hiệu V6; 01 quyển sổ bìa vàng ký hiệu V3; 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 04 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy; 01 giấy chứng nhận đoàn viên; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm mô tô, xe máy; 05 giấy phép lái xe; 12 chứng minh nhân dân; 79 giấy in

một mặt, cắt chữ hình chữ nhật có nội dung: Công ty TNHH D S 97, hỗ trợ tài chính, cho vay lãi suất thấp. Đt 0342.766.xxx (gặp D); 80 giấy biên nhận vay tiền mặt; 01 giấy biên nhận tiền đặt cọc; 02 giấy bán xe; 01 giấy mượn xe; 03 bản phô tô chứng minh thư nhân dân; 02 dao phông lợn; 03 túi bóng dạng túi Clear bên trong chứa nhiều giấy tờ; 02 USB; 01 giấy mượn xe của Triệu Văn M; 01 quyển sổ tay nhỏ và nhiều giấy tờ có in chữ; 03 điện thoại nhãn hiệu Iphone; 01 quyển sổ giáo án; 03 tờ giấy biên nhận vay tiền mặt; 01 tờ giấy in chữ; 01 laptop nhãn hiệu Aces; 01 chuột máy tính; 01 sạc máy tính; 01 cây máy tính nhãn hiệu Jetex.

Ngày 22/02/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B ra quyết định trưng cầu giám định chữ viết trong 07 quyển sổ thu giữ được có phải là chữ viết của bị cáo Vũ Ngọc D không. Tại bản kết luận giám định số 07/KTHS-GĐTL ngày 30/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Chữ viết trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5 và A7 với chữ viết của Vũ Ngọc D trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra; Chữ viết từ trang 1 đến trang 36 trên mẫu giám định ký hiệu A6 (trừ chữ viết tại dòng 1, 2 dưới lên trang 7, các chữ “Trang đóng trước 5 ngày” tại dòng 10 và chữ viết tại các trang 18, 19, 20, 21, 22) với chữ viết của Vũ Ngọc D trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra.

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số: 31/CT-VKSBB ngày 07/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Vũ Ngọc D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện B bổ sung cáo trạng, cụ thể căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017, vận dụng Nghị quyết số 41/2017/NQ14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, bổ sung số liệu của một số người vay và số tiền lãi bị cáo D thu được là 568.612.000 đồng (Năm trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng), trong đó số tiền thu lợi bất chính là 528.007.340 đồng (Năm trăm hai mươi tám triệu không trăm linh bảy nghìn ba trăm bốn mươi đồng). Bị cáo đồng ý với những nội dung bổ sung của cáo trạng và công nhận là đúng, không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng và bổ sung Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố đối với Vũ Ngọc D theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 201; khoản 3 Điều 7; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 56 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Xử phạt bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tổng hợp hình phạt với bản án số 04/2021/HS-ST ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện B buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, là người dân tộc thiểu số sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị xử lý theo quy định, cụ thể:

* Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen loại có bàn phím bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội đề nghị tịch thu hóa giá sung vào Ngân sách Nhà nước.

* Đối với 03 (ba) điện thoại nhãn hiệu Iphone (01 chiếc màu bạc, 01 chiếc màu đen đã vỡ màn hình, 01 chiếc màu vàng đồng); 01 (một) cây máy tính nhãn hiệu Jetex của bị cáo D. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của bị cáo D không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo đề nghị trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

* Đối với vật chứng bao gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu trắng, màn hình bị vỡ tại góc bên trái; 01 (một) túi xách da màu nâu xám; 01 (một) laptop nhãn hiệu Aces; 01 (một) chuột; 01 (một) sạc máy tính; Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của chị Nguyễn Thị Phương Ch không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo đề nghị trả lại cho chị Ch.

* Đối với vật chứng bao gồm: Đối với 02 (hai) USB; 02 (hai) dao phông lớn; 01 (một) túi xách màu đen; 06 (sáu) túi bóng kính (nhựa); 01 (một) Giấy biên nhận tiền đặt cọc; 02 (hai) giấy bán xe; 01 (một) Giấy mượn xe; 03 (hai) bản photo Giấy chứng minh nhân dân; 01 (một) giấy mượn xe của Triệu Văn M; 01 (một) quyển sổ tay nhỏ và nhiều giấy tờ có in chữ; 01 (một) tờ giấy in chữ; 03 (ba) túi bóng (nilon) dạng túi Clear bên trong chứa nhiều giấy tờ (trong đó 01 túi có 21 tờ mẫu in sẵn Giấy biên nhận vay tiền mặt; 01 túi có 15 tờ mẫu in sẵn Giấy bán xe, 21 mẫu in sẵn Hợp đồng thuê xe, 02 mẫu in sẵn Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; 01 túi có 94 tờ rơi quảng cáo). Đây là các tài sản, tài liệu, đồ vật của bị cáo D không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo đề nghị trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo chỉ đề nghị được trả lại 02 USB còn các tài sản, tài liệu, đồ vật khác bị cáo không đề nghị lấy lại. Xét thấy yêu cầu này của bị cáo có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại 02 USB cho bị cáo D, các tài sản, tài liệu và đồ vật không có giá trị đề nghị tịch thu tiêu hủy.

* Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 909817 của bà Hoàng Thị V. Quá trình điều tra xác minh được bà Hoàng Thị V đã thế chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D nên đề nghị trả lại cho bà Hoàng Thị V.

* Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 374378 của ông Hoàng Văn T. Quá trình điều tra xác minh được ông Hoàng Văn T đã thế chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D nên đề nghị trả lại cho ông Hoàng Văn T.

* Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 210048 của ông Trịnh Xuân L. Quá trình điều tra xác minh được ông Trịnh Xuân L đã thế chấp để

vay tiền với hình thức vay hộ của Vũ Ngọc D nên đề nghị trả lại cho ông Trịnh Xuân L.

* Đối với 01 giấy đăng ký xe của ông Hà Sỹ M. Quá trình điều tra xác minh được ông Hà Sỹ M đã thế chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D nên đề nghị trả lại cho ông Hà Sỹ M. Tuy nhiên, ông Hà Sỹ M đã chết, nên đề nghị trả cho người đại diện hợp pháp của ông Hà Sỹ M là chị Hà Thị L.

* Đối với 01 giấy đăng ký xe của chị Nguyễn Thị Ng. Quá trình điều tra xác minh được anh Đặng Quốc Kh đã dùng giấy đăng ký xe của vợ là chị Nguyễn Thị Ng thế chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D, chị Ng có yêu cầu lấy lại nên đề nghị trả lại cho chị Nguyễn Thị Ng.

* Đối với 01 giấy đăng ký xe và 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm mô tô, xe máy BKS 97B1-61324 của anh Phùng Kiềm C. Quá trình điều tra xác minh được bạn của Phùng Kiềm C tên là L mượn đi và không biết tại sao lại để ở chỗ bị cáo Vũ Ngọc D, anh C có yêu cầu lấy lại nên đề nghị trả lại cho anh Phùng Kiềm C.

* Đối với 01 giấy đăng ký xe biển số đăng ký 97B1-87495 của bà Dương Thị B. Quá trình điều tra xác minh được bà Dương Thị B đã thế chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D nên đề nghị trả lại cho bà Dương Thị B.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng nhận đoàn viên của Vũ Đức Th. Quá trình điều tra xác minh được anh Vũ Đức Th đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D nên đề nghị trả lại cho anh Vũ Đức Th.

* Đối với 01 (một) Giấy phép lái xe của chị Nông Thị Thu D. Quá trình điều tra xác minh được chị Nông Thị Thu D đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D đề nghị trả lại cho chị Nông Thị Thu D.

* Đối với 01 (một) Giấy phép lái xe của chị Nông Thị Thanh Th. Quá trình điều tra xác minh được chị Nông Thị Thanh Th đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D đề nghị trả lại cho chị Nông Thị Thanh Th.

* Đối với 01 (một) Giấy phép lái xe của bà Dương Thị L. Quá trình điều tra xác minh được bà Dương Thị L đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D đề nghị trả lại cho bà Dương Thị L.

* Đối với 01 (một) Giấy phép lái xe của anh Triệu Văn B. Quá trình điều tra xác minh được anh Triệu Văn B đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D đề nghị trả lại cho anh Triệu Văn B.

* Đối với 01 (một) Giấy phép lái xe và 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của anh La Quang Ch. Quá trình điều tra xác minh được anh La Quang Ch đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D đề nghị trả lại cho anh La Quang Ch.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của anh Triệu Hữu Ph. Quá trình điều tra xác minh được anh Triệu Hữu Ph đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D đề nghị trả lại cho anh Triệu Hữu Ph.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của ông Lục Hải Qu. Quá trình điều tra xác minh được ông Lục Hải Qu đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D đề nghị trả lại cho ông Lục Hải Qu.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của anh Đoàn Mạnh H. Quá trình điều tra xác minh được anh Đoàn Mạnh H đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D đề nghị trả lại cho anh Đoàn Mạnh H.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của anh Hoàng Phúc H. Quá trình điều tra xác minh được anh Hoàng Phúc H đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D đề nghị trả lại cho anh Hoàng Phúc H.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của anh Nguyễn Xuân Th. Quá trình điều tra xác minh được anh Nguyễn Xuân Th đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D đề nghị trả lại cho anh Nguyễn Xuân Th.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của ông Luân Duy Ch. Quá trình điều tra xác minh được ông Luân Duy Ch đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D đề nghị trả lại cho ông Luân Duy Ch.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của anh Vũ Đức Th. Quá trình điều tra xác minh được anh Vũ Đức Th đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D đề nghị trả lại cho anh Vũ Đức Th.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của anh Lâm Ngọc H. Quá trình điều tra xác minh được anh Lâm Ngọc H đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D đề nghị trả lại cho anh Lâm Ngọc H.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của chị Lục Thị Th. Quá trình điều tra xác minh được chị Lục Thị Th đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D đề nghị trả lại cho chị Lục Thị Th.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của anh Lường Quốc Đ. Quá trình điều tra xác minh được anh Lường Quốc Đ đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D đề nghị trả lại cho anh Lường Quốc Đ.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của ông Hoàng Văn T. Quá trình điều tra xác minh được ông Hoàng Văn T đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D đề nghị trả lại cho ông Hoàng Văn T.

* Đối với số tiền 6.908.800^d (*Sáu triệu chín trăm linh tám nghìn tám trăm đồng*) trong tài khoản 8605205039782 tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam của bị cáo Vũ Ngọc D đang bị phong tỏa, đề nghị tiếp tục phong tỏa để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

* Đối với số tiền 3.000.000 đồng bà Nông Thị Mai S đã nộp thay cho bị cáo D tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 09/9/2021, đề nghị tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

* Lưu hồ sơ vụ án các vật chứng là các sổ sách, tài liệu liên quan đến việc cho vay của bị cáo Vũ Ngọc D bao gồm: 05 quyển sổ bìa xanh ký hiệu V1, V2, V4, V5, V7; 01 quyển sổ bìa màu đen ký hiệu V6; 01 quyển sổ bìa vàng ký hiệu

V3; 80 giấy biên nhận vay tiền mặt; 01 quyển sổ giáo án; 03 tờ giấy biên nhận tiền mặt, 79 (bảy mươi chín) giấy in một mặt, cắt hình chữ nhật có nội dung: Công ty TNHH D 97, hỗ trợ tài chính, cho vay lãi suất thấp, Đt 0342.766.xxx (gấp D).

* Về biện pháp tư pháp:

- Đối với tổng số tiền gốc mà bị cáo đã cho vay là 1.528.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm hai mươi tám triệu đồng*). Tuy nhiên, tính đến thời điểm bị cáo bị phát hiện hành vi phạm tội số tiền gốc mà bị cáo cho vay thu được 1.469.200.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm sáu mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng*). Đây là số tiền dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, nên đề nghị truy thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền gốc mà những người vay chưa trả đủ cho bị cáo với tổng số tiền là 58.000.000 đồng chưa thu được ở những cá nhân vay tiền. Đề nghị buộc người vay phải nộp để sung vào ngân sách nhà nước gồm: Anh Dương Văn D phải nộp 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng); Anh Phạm Hoàng A 8.000.000^d (Tám triệu đồng); Anh Đặng Quốc Kh 5.000.000^d (Năm triệu đồng); Anh Lâm Ngọc H 5.000.000^d (Năm triệu đồng); Bà Dương Thị B 7.000.000^d (Bảy triệu đồng); Anh Hoàng Văn T 3.000.000^d (Ba triệu đồng).

- Đối với số tiền lãi pháp luật cho phép tương ứng với mức lãi suất 20%/năm không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, do đó đề nghị truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 40.604.660 đồng (*Bốn mươi triệu sáu trăm linh bốn nghìn sáu trăm sáu mươi đồng*) từ bị cáo Vũ Ngọc D.

- Đối với khoản tiền thu lời bất chính mà bị cáo đã thu của người vay vượt mức lãi suất quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 528.007.340 đồng, đề nghị buộc bị cáo Vũ Ngọc D phải trả lại cho người vay, cụ thể: Trả cho anh Ma Nguyễn M số tiền 20.738.767 đồng; Trả cho anh Nguyễn Duy An số tiền 12.193.150 đồng; Trả cho anh Hoàng Anh Dg số tiền 11.436.987 đồng; Trả cho anh Ngô Duy H số tiền 566.575 đồng; Trả cho anh Dương Văn D số tiền 91.841.644 đồng; Trả cho anh Dương Đức C số tiền 6.416.438 đồng; Trả cho chị Trung Thị Tr số tiền 1.843.151 đồng; Trả cho anh Phạm Hoàng A số tiền 11.807.259 đồng; Trả cho anh Nguyễn Xuân Th số tiền 17.207.671 đồng; Trả cho bà Nông Thị Th số tiền 10.285.753 đồng; Trả cho anh Đặng Quốc Kh số tiền 3.339.041 đồng; Trả cho chị Nông Thị Đ số tiền 2.882.876 đồng; Trả cho anh Hoàng Văn C số tiền 645.205 đồng; Trả cho chị Hoàng Thị Th số tiền 466.849 đồng; Trả cho ông Hoàng Văn V số tiền 19.990.273 đồng; Trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 17.958.904 đồng; Trả cho anh Lý Văn Tr số tiền 4.494.452 đồng; Trả cho ông Lý Văn T số tiền 22.156.164 đồng; Trả cho bà Nông Thị V số tiền 4.822.466 đồng; Trả cho anh Dương Văn S số tiền 1.890.411 đồng; Trả cho anh Hoàng Văn K số tiền 1.264.384 đồng; Trả cho anh Nguyễn Văn B số tiền 472.603 đồng; Trả cho anh Lý Văn Thh số tiền 3.342.466 đồng; Trả cho anh Nông Văn B số tiền 1.730.220 đồng; Trả cho anh Lê Văn V số tiền 340.274 đồng; Trả cho ông Đoàn Viết T số tiền 36.947.671 đồng; Trả cho ông Lý Văn Đ số tiền 12.935.480 đồng; Trả cho ông Triệu Kim Th số tiền

645.205 đồng; Trả cho anh Nông Ích H số tiền 311.918 đồng; Trả cho bà Đàm Thị B số tiền 1.401.370 đồng; Trả cho bà Hoàng Thị V số tiền 10.458.494 đồng; Trả cho chị Phạm Thị Y số tiền 6.963.835 đồng; Trả cho anh Vi Văn D số tiền 11.512.603 đồng; Trả cho anh Triệu Văn N số tiền 8.884.931 đồng; Trả cho anh Lương Văn Tr số tiền 464.384 đồng; Trả cho chị Hoàng Thị L số tiền 945.205 đồng; Trả cho anh Triệu Văn V số tiền 4.726.027 đồng; Trả cho anh Sầm Văn H số tiền 472.604 đồng; Trả cho anh Dương Văn V số tiền 5.141.095 đồng; Trả cho bà Vi Thị Kiều X số tiền 2.041.917 đồng; Trả cho anh Hoàng Văn Tr số tiền 48.016.439 đồng; Trả cho anh La Dương H số tiền 472.604 đồng; Trả cho bà Dương Thị Th số tiền 6.969.863 đồng; Trả cho anh Dương Văn N số tiền 4.842.466 đồng; Trả cho anh Nguyễn Văn V số tiền 782.534 đồng; Trả cho anh Trương Thế T số tiền 3.325.205 đồng; Trả cho anh Hoàng Văn T số tiền 160.685 đồng; Trả cho bà Bé Thị L số tiền 18.618.904 đồng; Trả cho anh Triệu Văn M số tiền 378.082 đồng; Trả cho bà Lục Thị Th số tiền 9.452.054 đồng; Trả cho anh Nguyễn Văn Ph số tiền 17.698.219 đồng; Trả cho anh Lương Quốc Đ số tiền 6.839.178 đồng; Trả cho anh Chu Lý Tr số tiền 32.305.480 đồng; Trả cho anh Hoàng Văn T số tiền 170.137 đồng; Trả cho anh Lâm Ngọc H số tiền 945.205 đồng; Trả cho ông Luân Duy Ch số tiền 472.603 đồng; Trả cho bà Dương Thị B số tiền 2.173.973 đồng; Trả cho anh Triệu Đức Hh số tiền 113.425 đồng; Trả cho ông Hoàng Văn T số tiền 283.562 đồng.

Đối với bà Nông Thị Mai S (cho bị cáo D vay 100.000.000 đồng) và bà Nông Thị Ổ (cho bị cáo D vay 20.000.000 đồng) là những người cho bị cáo D vay tiền và bị cáo đã sử dụng số tiền vay này để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. Tuy nhiên, bà S và bà Ổ không biết việc bị cáo D mượn tiền để hoạt động cho vay lãi nặng, do vậy không có căn cứ xử lý. Bà S và bà Ổ cũng không yêu cầu bị cáo D phải trả lại số tiền trên nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng bà Nông Thị Mai S đã nộp thay cho bị cáo D tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bể ngày 09/9/2021 để đảm bảo thi hành án cho bị cáo. Bà S không yêu cầu bị cáo phải trả lại nên đề nghị không xem xét giải quyết.

* Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Tại phần tranh luận, người bào chữa, bị cáo nhất trí với tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã nêu trong bản luận tội. Không ai có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình đã sai, vi phạm pháp luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Ba Bể, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; quyết định tố tụng được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không ai khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa có mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nông Thị Mai S và Nguyễn Thị Phương Ch; còn những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt dù có đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, một số người có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, họ đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra và được lưu trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử của Tòa án, căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo Vũ Ngọc D tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận; Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2017 đến năm 2020 tại các địa điểm thuê để mở quầy kinh doanh tại tiểu khu x và tiểu khu z, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn bị cáo Vũ Ngọc D đã có hành vi cho 61 người vay với tổng số tiền vay là 1.528.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm hai mươi tám triệu đồng), với lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày đến 20.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương với lãi suất từ 109,5% đến 730%, cao gấp từ 5,48 đến 36,5 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự là tối đa không quá 20%/01 năm quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thu tổng số tiền lãi là 568.612.000 đồng (Năm trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng) trong đó số tiền thu lợi bất chính là 528.007.340 đồng (Năm trăm hai mươi tám triệu không trăm linh bảy nghìn ba trăm bốn mươi đồng). Số tiền thu lợi bất chính có được bị cáo D cho vay quay vòng và tiêu sài cá nhân hết.

Hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định như sau:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo về tội danh “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện B bổ sung cáo trạng, cụ thể căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017, vận dụng Nghị quyết số 41/2017/NQ14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, bổ sung số liệu của một số người vay và số tiền lãi bị cáo Dương thu được là 568.612.000 đồng (*Năm trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng*), trong đó số tiền thu lợi bất chính là 528.007.340 đồng (*Năm trăm hai mươi tám triệu không trăm linh bảy nghìn ba trăm bốn mươi đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy việc bổ sung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đảm bảo nguyên tắc không làm xấu đi tình trạng của bị cáo theo quy định tại Điều 306 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Hành vi phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ và làm cho người vay lâm vào tình trạng khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội, bị cáo thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với lỗi cố ý, tổng số tiền bị cáo cho vay là 1.528.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm hai mươi tám triệu đồng*), mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 730%/năm, cao hơn so với mức cao nhất theo qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định là 5,48 lần đến 36,5 lần. Như vậy mức lãi suất bị cáo cho vay từ 109,5%/năm đến 730%/năm đã vượt quá 05 lần mức lãi suất Bộ luật dân sự quy định, nên cần phải xử lý bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

[4] *Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:*

Về nhân thân: Bị cáo Vũ Ngọc D có nhân thân xấu: Ngày 04/7/2017, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Ngày 15/12/2020, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt bị 12 tháng tù về tội “*Hủy hoại tài sản*”.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã cho nhiều người vay tiền nhiều lần để thu lãi suất cao trái quy định của pháp luật với tổng số tiền thu lợi bất chính là 528.007.340 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là “*phạm tội 02 lần trở lên*”; Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện trong khi bị cáo chưa được xóa án tích đối với bản án số 26/2017/HS-ST ngày 04/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện B (xử phạt bị cáo 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng về “*Cố ý gây thương tích*”) nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*tái phạm*” theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có ông ngoại là Nông Ngọc Ch được tặng thưởng huy chương chiến thắng hạng nhất và bị cáo đã tác động mẹ bị cáo nộp số tiền 3.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 03651 ngày 09/9/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo nên bị cáo được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy tuy rằng bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo phải xử lý nghiêm minh và cần phải xử lý bị cáo bằng hình phạt tù mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tại bản án số 04/2021/HS-ST ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt bị cáo Vũ Ngọc D 12 (Mười hai) tháng tù về tội "*Hủy hoại tài sản*". Bị cáo đang chấp hành án đối với bản án này. Do vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Vũ Ngọc Dương.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo là người lao động tự do, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không có thu nhập ổn định, bị cáo không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[6] *Về các vấn đề khác*:

Đối với hành vi của bị cáo D cho nhiều người khác vay tiền với hình thức cho vay trả góp hay còn gọi là vay họ: Xác định có 19 người vay (bảng 51 lượt vay) với tổng số tiền vay là 769.000.000 đồng gồm: Nguyễn Duy A, Dương Văn D, Dương Đức C, Nông Thị Bình Y, La Quang Ch, Doãn Văn Đ, Nguyễn Công Tr, Nguyễn Văn Nh, Lý Văn T, Lý Văn Th, Nông Văn B, Lương Ngọc Th, Nguyễn Anh T, Hoàng Văn Tr, Mai Sỹ Th, Triệu Đức H, Dương Văn V, Vi Thị Kiều X, Đặng Văn X. Những người này khai khi cho vay, D cắt lãi luôn từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/10.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc vay mượn chỉ có hai bên, sổ ghi chép của bị cáo D thể hiện ghi số tiền thu trả góp tiền gốc hàng ngày (Ví dụ: Nông Thị Bình Y ngày 14/9/2017 vay họ 2.000.000 đồng đóng 100.000 đồng/ngày, các cột trong sổ từ 15/9 đến 04/10 dưới đầu tích V, thể hiện đã đóng 100.000 đồng/ngày), không thể hiện cắt lãi bao nhiêu, người vay không có giấy tờ, tài liệu vay mượn để chứng minh. Bị cáo D khai nhận được thu lãi từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/10.000.000 đồng/20 ngày, bằng 18,25%/năm đến 36,5%/năm, không vượt quá gấp 5 lần đối với khoản tiền cho vay nên không đủ căn cứ để xử lý.

Đối với những người vay còn lại, một số người bị cáo D tính lãi suất thấp hơn 100% khoản tiền cho vay/năm hoặc không tính lãi; một số người vay không

có mặt tại địa phương, không biết hiện nay đang ở đâu; một số không có họ tên, địa chỉ rõ ràng; có người đã chết nên không gọi hỏi làm việc để làm rõ được. Ngoài ra, do thời gian vay tiền đã lâu nên một số người vay không nhớ được khoản tiền mình đã vay, khi vay không giữ giấy tờ gì nên không nhớ, nhớ không đầy đủ thông tin khi vay, do vậy không có căn cứ để xử lý đối với bị cáo D.

Đối với Mã Văn V là người trông cửa hàng cho bị cáo D. Cơ quan điều tra đã làm rõ V không biết việc bị cáo cho vay lãi nặng. Do đó, không có căn cứ xem xét xử lý hình sự đối với Mã Văn V.

Đối với bà Nông Thị Mai S (cho bị cáo D vay 100.000.000 đồng) và bà Nông Thị O (cho bị cáo D vay 20.000.000 đồng) là những người cho bị cáo D vay tiền và bị cáo đã sử dụng số tiền vay này để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. Tuy nhiên, bà S và bà O không biết việc bị cáo D mượn tiền để hoạt động cho vay lãi nặng, do vậy không có căn cứ xử lý. Bà S và bà O cũng không yêu cầu bị cáo D phải trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng bà Nông Thị Mai S đã nộp thay cho bị cáo D tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 09/9/2021 để đảm bảo thi hành án cho bị cáo. Bà S không yêu cầu bị cáo phải trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với trung tâm Viễn thông Bể - P và bà Trần Thị Th đã cho bị cáo Vũ Ngọc D thuê địa điểm để mở cửa hiệu mua, bán ô tô, xe máy, không biết việc bị cáo D thuê nhà để hoạt động cho vay lãi nặng nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ pháp luật.

Đối với các chữ viết trên mẫu giám định ký hiệu A6 tại dòng 1, 2 dưới lên trang 7, các chữ “Trang đóng trước 5 ngày” tại dòng 10 và chữ viết tại các trang 18, 19, 20, 21, 22 không phải là chữ do bị cáo D viết ra. Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra không xác định được chữ viết đó là của ai, bị cáo D khai do có nhiều bạn bè đến chơi có lúc bị cáo bạn nên nhờ họ viết, bị cáo không nhớ là đã nhờ ai viết, cũng không biết những chữ viết đó là của ai nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

Trong vụ án này, ngoài tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, bị cáo Vũ Ngọc D còn bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B khởi tố về hành vi “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Do bị hại Lý Văn S rút yêu cầu khởi tố nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự, Quyết định đình chỉ điều tra bị can đối với bị cáo Vũ Ngọc D là có căn cứ pháp luật.

Đối với hành vi của bị cáo cho Nguyễn Văn H vay số tiền 500.000 đồng lãi xuất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, vay từ ngày 21/9/2017 đến ngày 11/11/2017, bị cáo đã thu lãi là 300.000 đồng; cho Đặng Thành Gi vay số tiền 300.000 đồng lãi xuất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, vay từ ngày 19/10/2017 đến ngày 26/12/2017, bị cáo đã thu lãi là 340.000 đồng; cho Triệu Đức H vay số tiền 1.000.000 đồng, lãi xuất 10.000 đồng/01 triệu/01 ngày, vay từ ngày 23/12/2017

đến ngày 12/01/2018, bị cáo đã thu lãi là 200.000 đồng. Theo quy định tại điều 163 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì hành vi của bị cáo cho Nguyễn Văn H (thời gian vay từ 21/9/2017 đến ngày 11/11/2017), Đặng Thành Gi (thời gian vay từ ngày 19/10/2017 đến ngày 26/12/2017) và Triệu Đức H (thời gian vay từ 23/12/2017 đến 31/12/2017) vay không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Cho vay lãi nặng”. Để áp dụng các tình tiết có lợi cho bị cáo nên căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định “ *Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và quy định khác có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành*”. Do đó, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về số tiền thu lợi bất chính trước ngày 01/01/2018.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử xử lý như sau:

* Đối với 03 (ba) điện thoại nhãn hiệu Iphone (01 chiếc màu bạc, 01 chiếc màu đen đã vỡ màn hình, 01 chiếc màu vàng đồng); 01 (một) cây máy tính nhãn hiệu Jetex của bị cáo D. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của bị cáo D không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

* Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen loại có bàn phím bị cáo sử dụng vào mục đích liên lạc để cho vay lãi nặng nên cần tịch thu hóa giá sung vào Ngân sách Nhà nước.

* Đối với vật chứng bao gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu trắng, màn hình bị vỡ tại góc bên trái; 01 (một) túi xách da màu nâu xám; 01 (một) laptop nhãn hiệu Aces; 01 (một) chuột; 01 (một) sạc máy tính; Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của chị Nguyễn Thị Phương Ch không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho chị Ch.

* Đối với vật chứng bao gồm: Đối với 02 (hai) USB; 02 (hai) dao phông lớn; 01 (một) túi xách màu đen; 06 (sáu) túi bóng kính (nhựa); 01 (một) Giấy biên nhận tiền đặt cọc; 02 (hai) giấy bán xe; 01 (một) Giấy mượn xe; 03 (hai) bản phô tô Giấy chứng minh nhân dân; 01 (một) giấy mượn xe của Triệu Văn M; 01 (một) quyển sổ tay nhỏ và nhiều giấy tờ có in chữ; 01 (một) tờ giấy in chữ; 03 (ba) túi bóng (nilon) dạng túi Clear bên trong chứa nhiều giấy tờ (trong đó 01 túi có 21 tờ mẫu in sẵn Giấy biên nhận vay tiền mặt; 01 túi có 15 tờ mẫu in sẵn Giấy bán xe, 21 mẫu in sẵn Hợp đồng thuê xe, 02 mẫu in sẵn Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; 01 túi có 94 tờ rơi quảng cáo). Đây là những tài sản, đồ vật, tài liệu của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo yêu cầu được lấy lại 02 chiếc

USB, còn các tài sản, đồ vật và tài liệu khác bị cáo không đề nghị lấy lại. Xét thấy yêu cầu của bị cáo là phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Trả lại cho bị cáo 02 USB; các tài sản, đồ vật, tài liệu còn lại không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

* Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 909817 của bà Hoàng Thị V. Quá trình điều tra xác minh được bà Hoàng Thị V đã thế chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D nên trả lại cho bà Hoàng Thị V.

* Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 374378 của ông Hoàng Văn T. Quá trình điều tra xác minh được ông Hoàng Văn T đã thế chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D nên trả lại cho ông Hoàng Văn T.

* Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 210048 của ông Trịnh Xuân L. Quá trình điều tra xác minh được ông Trịnh Xuân L đã thế chấp để vay tiền bằng hình thức vay hộ của Vũ Ngọc D nên trả lại cho ông Trịnh Xuân L.

* Đối với 01 giấy đăng ký xe của ông Hà Sỹ M. Quá trình điều tra xác minh được ông Hà Sỹ M đã thế chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D nên đề nghị trả lại cho ông Hà Sỹ M. Tuy nhiên, ông Hà Sỹ M đã chết, nên trả cho người đại diện hợp pháp của ông Hà Sỹ M là chị Hà Thị L.

* Đối với 01 giấy đăng ký xe của chị Nguyễn Thị Ng. Quá trình điều tra xác minh được anh Đặng Quốc Kh đã dùng giấy đăng ký xe của vợ là chị Nguyễn Thị Ng thế chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D, chị Ng có yêu cầu lấy lại nên trả lại cho chị Nguyễn Thị Ng.

* Đối với 01 giấy đăng ký xe và 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm mô tô, xe máy BKS 97B1-61324 của anh Phùng Kiềm C. Quá trình điều tra xác minh được bạn của Phùng Kiềm C tên là L (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) mượn đi và không biết tại sao lại để ở chỗ bị cáo Vũ Ngọc D, anh C có yêu cầu lấy lại nên trả lại cho anh Phùng Kiềm C.

* Đối với 01 giấy đăng ký xe biển số đăng ký 97B1-87495 của bà Dương Thị B. Quá trình điều tra xác minh được bà Dương Thị B đã thế chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D nên trả lại cho bà Dương Thị B.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng nhận đoàn viên của Vũ Đức Th. Quá trình điều tra xác minh được anh Vũ Đức Th đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D nên trả lại cho anh Vũ Đức Th.

* Đối với 01 (một) Giấy phép lái xe của chị Nông Thị Thu D. Quá trình điều tra xác minh được chị Nông Thị Thu D đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D trả lại cho chị Nông Thị Thu D.

* Đối với 01 (một) Giấy phép lái xe của chị Nông Thị Thanh Th. Quá trình điều tra xác minh được chị Nông Thị Thanh Th đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D trả lại cho chị Nông Thị Thanh Th.

* Đối với 01 (một) Giấy phép lái xe của bà Dương Thị L. Quá trình điều tra xác minh được bà Dương Thị L đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D trả lại cho bà Dương Thị L.

* Đối với 01 (một) Giấy phép lái xe của anh Triệu Văn B. Quá trình điều tra xác minh được anh Triệu Văn B đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D trả lại cho anh Triệu Văn B.

* Đối với 01 (một) Giấy phép lái xe và 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của anh La Quang Ch. Quá trình điều tra xác minh được anh La Quang Ch đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D trả lại cho anh La Quang Ch.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của anh Triệu Hữu Ph. Quá trình điều tra xác minh được anh Triệu Hữu Ph đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D trả lại cho anh Triệu Hữu Ph.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của ông Lục Hải Qu. Quá trình điều tra xác minh được ông Lục Hải Qu đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D trả lại cho ông Lục Hải Qu.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của anh Đoàn Mạnh H. Quá trình điều tra xác minh được anh Đoàn Mạnh H đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D trả lại cho anh Đoàn Mạnh H.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của anh Hoàng Phúc H. Quá trình điều tra xác minh được anh Hoàng Phúc H đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D trả lại cho anh Hoàng Phúc H.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của anh Nguyễn Xuân Th. Quá trình điều tra xác minh được anh Nguyễn Xuân Th đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D trả lại cho anh Nguyễn Xuân Th.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của ông Luân Duy Ch. Quá trình điều tra xác minh được ông Luân Duy Ch đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D trả lại cho ông Luân Duy Ch.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của anh Vũ Đức Th. Quá trình điều tra xác minh được anh Vũ Đức Th đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D trả lại cho anh Vũ Đức Th.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của anh Lâm Ngọc H. Quá trình điều tra xác minh được anh Lâm Ngọc H đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D trả lại cho anh Lâm Ngọc H.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của anh Lường Quốc Đ. Quá trình điều tra xác minh được anh Lường Quốc Đ đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D trả lại cho anh Lường Quốc Đ.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của chị Lục Thị Th. Quá trình điều tra xác minh được chị Lục Thị Th đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D trả lại cho chị Lục Thị Th.

* Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của ông Hoàng Văn T. Quá trình điều tra xác minh được ông Hoàng Văn T đã tín chấp để vay tiền của Vũ Ngọc D trả lại cho ông Hoàng Văn T.

* Các vật chứng là các sổ sách, tài liệu liên quan đến việc cho vay của bị cáo Vũ Ngọc D bao gồm: 05 quyển sổ bì xanh ký hiệu V1, V2, V4, V5, V7; 01 quyển sổ bì màu đen ký hiệu V6; 01 quyển sổ bì vàng ký hiệu V3; 80 giấy biên nhận vay tiền mặt; 01 quyển sổ giáo án; 03 tờ giấy biên nhận tiền mặt; 79 (bảy mươi chín) giấy in một mặt, cắt hình chữ nhật có nội dung: Công ty TNHH D S 97, hỗ trợ tài chính, cho vay lãi suất thấp, Đt 0342.766.069 (gặp D) cần lưu hồ sơ vụ án.

* Đối với vật chứng là 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Air Blade màu đỏ đen, BKS 97F7-5593 (kèm theo chìa khóa) và số tiền 33.495.000^d (*Ba mươi ba triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Nông Thị Mai S do không liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Đối với 01 (một) loa di động nhãn hiệu CXF và 01 Micro không dây đã trả lại cho chủ sở hữu là Triệu Văn H do không liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về biện pháp tư pháp: Đối với tổng số tiền gốc mà bị cáo đã cho vay là 1.528.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm hai mươi tám triệu đồng*). Tuy nhiên, tính đến thời điểm bị cáo bị phát hiện hành vi phạm tội số tiền gốc mà bị cáo cho vay thu được 1.469.200.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm sáu mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng*). Đây là số tiền dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, nên cần truy thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền gốc mà những người vay chưa trả đủ cho bị cáo với tổng số tiền là 58.000.000 đồng chưa thu được ở những cá nhân vay tiền. Cần buộc người vay phải nộp để sung vào ngân sách nhà nước gồm: Anh Dương Văn D phải nộp 30.000.000^d (*Ba mươi triệu đồng*); Anh Phạm Hoàng A 8.000.000^d (*Tám triệu đồng*); Anh Đặng Quốc Kh 5.000.000^d (*Năm triệu đồng*); Anh Lâm Ngọc H 5.000.000^d (*Năm triệu đồng*); Bà Dương Thị B 7.000.000^d (*Bảy triệu đồng*); Anh Hoàng Văn T 3.000.000^d (*Ba triệu đồng*).

Đối với số tiền lãi pháp luật cho phép tương ứng với mức lãi suất 20%/năm không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng đây cũng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, đồng thời hoạt động cho vay lãi nặng thường gắn với các băng nhóm tội phạm. Do đó, để đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, cần truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 40.604.660 đồng (*Bốn mươi triệu sáu trăm linh bốn nghìn sáu trăm sáu mươi đồng*) từ bị cáo Vũ Ngọc D.

Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu của người vay vượt mức lãi suất quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 528.007.340 đồng, buộc bị cáo Vũ Ngọc D phải trả lại cho người vay, cụ thể: Trả cho anh Ma Nguyễn M số tiền 20.738.767 đồng; Trả cho anh Nguyễn Duy A số tiền 12.193.150 đồng; Trả cho anh Hoàng Anh D số tiền 11.436.987 đồng; Trả cho anh Ngô Duy H số tiền 566.575 đồng; Trả cho anh Dương Văn D số tiền 91.841.644 đồng; Trả cho anh Dương Đức C số tiền 6.416.438 đồng; Trả cho chị Trung Thị Tr số tiền 1.843.151 đồng; Trả cho anh Phạm Hoàng A số tiền 11.807.259 đồng; Trả cho anh Nguyễn Xuân Th số tiền 17.207.671 đồng;

Trả cho bà Nông Thị Th số tiền 10.285.753 đồng; Trả cho anh Đặng Quốc Kh số tiền 3.339.041 đồng; Trả cho chị Nông Thị Đ số tiền 2.882.876 đồng; Trả cho anh Hoàng Văn C số tiền 645.205 đồng; Trả cho chị Hoàng Thị Th số tiền 466.849 đồng; Trả cho ông Hoàng Văn V số tiền 19.990.273 đồng; Trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 17.958.904 đồng; Trả cho anh Lý Văn Tr số tiền 4.494.452 đồng; Trả cho ông Lý Văn T số tiền 22.156.164 đồng; Trả cho bà Nông Thị V số tiền 4.822.466 đồng; Trả cho anh Dương Văn S số tiền 1.890.411 đồng; Trả cho anh Hoàng Văn K số tiền 1.264.384 đồng; Trả cho anh Nguyễn Văn B số tiền 472.603 đồng; Trả cho anh Lý Văn Th số tiền 3.342.466 đồng; Trả cho anh Nông Văn B số tiền 1.730.220 đồng; Trả cho anh Lê Văn V số tiền 340.274 đồng; Trả cho ông Đoàn Viết T số tiền 36.947.671 đồng; Trả cho ông Lý Văn Đ số tiền 12.935.480 đồng; Trả cho ông Triệu Kim Th số tiền 645.205 đồng; Trả cho anh Nông Ích H số tiền 311.918 đồng; Trả cho bà Đàm Thị B số tiền 1.401.370 đồng; Trả cho bà Hoàng Thị V số tiền 10.458.494 đồng; Trả cho chị Phạm Thị Y số tiền 6.963.835 đồng; Trả cho anh Vi Văn D số tiền 11.512.603 đồng; Trả cho anh Triệu Văn N số tiền 8.884.931 đồng; Trả cho anh Lương Văn Tr số tiền 464.384 đồng; Trả cho chị Hoàng Thị L số tiền 945.205 đồng; Trả cho anh Triệu Văn V số tiền 4.726.027 đồng; Trả cho anh Sầm Văn H số tiền 472.604 đồng; Trả cho anh Dương Văn V số tiền 5.141.095 đồng; Trả cho bà Vi Thị Kiều X số tiền 2.041.917 đồng; Trả cho anh Hoàng Văn Tr số tiền 48.016.439 đồng; Trả cho anh La Dương H số tiền 472.604 đồng; Trả cho bà Dương Thị Th số tiền 6.969.863 đồng; Trả cho anh Dương Văn N số tiền 4.842.466 đồng; Trả cho anh Nguyễn Văn V số tiền 782.534 đồng; Trả cho anh Trương Thế T số tiền 3.325.205 đồng; Trả cho anh Hoàng Văn T số tiền 160.685 đồng; Trả cho bà Bé Thị L số tiền 18.618.904 đồng; Trả cho anh Triệu Văn M số tiền 378.082 đồng; Trả cho bà Lục Thị Th số tiền 9.452.054 đồng; Trả cho anh Nguyễn Văn Ph số tiền 17.698.219 đồng; Trả cho anh Lương Quốc Đ số tiền 6.839.178 đồng; Trả cho anh Chu Lý Tr số tiền 32.305.480 đồng; Trả cho anh Hoàng Văn T số tiền 170.137 đồng; Trả cho anh Lâm Ngọc H số tiền 945.205 đồng; Trả cho ông Luân Duy Ch số tiền 472.603 đồng; Trả cho bà Dương Thị B số tiền 2.173.973 đồng; Trả cho anh Triệu Đức H số tiền 113.425 đồng; Trả cho ông Hoàng Văn T số tiền 283.562 đồng.

Đối với số tiền 6.908.800^d (*Sáu triệu chín trăm linh tám nghìn tám trăm đồng*) trong tài khoản 8605205039782 tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam của bị cáo Vũ Ngọc D đang bị phong tỏa, tiếp tục phong tỏa để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng bà Nông Thị Mai S đã nộp thay cho bị cáo D tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bể ngày 09/9/2021 cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; khoản 3 Điều 7; Điều 38; Điều 46; Điều 47; Điều 48; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 56 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Ngọc D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Vũ Ngọc D 07 (Bảy) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”, theo Bản án số: 04/2021/HS-ST ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 19 (Mười chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/9/2020.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu hóa giá sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen loại có bàn phím của bị cáo Vũ Ngọc D.

- Trả lại cho bị cáo Vũ Ngọc D 03 điện thoại Iphone trong đó 01 chiếc màu bạc, 01 chiếc màu đen đã vỡ màn hình, 01 chiếc màu vàng đồng); 01 cây máy tính nhãn hiệu Jetex nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Trả lại cho bị cáo Vũ Ngọc D 02 USB;

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Phương Ch: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu trắng, màn hình bị vỡ tại góc bên trái; 01 túi xách da màu nâu xám; 01 Laptop nhãn hiệu Ases; 01 chuột vi tính; 01 sạc máy tính.

- Trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 909817 cho bà Hoàng Thị V;

- Trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 374378 cho ông Hoàng Văn T;

- Trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 210048 cho ông Trịnh Xuân L.

- Trả lại 01 giấy đăng ký xe mang tên Hà Sỹ M cho người đại diện hợp pháp của ông M là chị Hà Thị L.

- Trả lại 01 giấy đăng ký xe cho chị Nguyễn Thị Ng.

- Trả lại 01 giấy đăng ký xe và 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm mô tô, xe máy BKS 97B1-61324 cho anh Phùng Kiềm C.

- Trả lại 01 giấy đăng ký xe biển số đăng ký 97B1-87495 cho bà Dương Thị B.

- Trả lại 01 (một) Giấy chứng nhận đoàn viên cho anh Vũ Đức Th.

- Trả lại 01 (một) Giấy phép lái xe cho chị Nông Thị Thu D.

- Trả lại 01 (một) Giấy phép lái xe cho chị Nông Thị Thanh Th.

- Trả lại 01 (một) Giấy phép lái xe cho bà Dương Thị L.

- Trả lại 01 (một) Giấy phép lái xe cho anh Triệu Văn B.

- Trả lại 01 (một) Giấy phép lái xe và 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân cho anh La Quang Ch.

- Trả lại Giấy chứng minh nhân dân cho các chủ sở hữu, gồm: Anh Triệu Hữu Ph; ông Lục Hải Qu; anh Đoàn Mạnh H; anh Hoàng Phúc H; anh Nguyễn Xuân Th; ông Luân Duy Ch; anh Vũ Đức Th; anh Lâm Ngọc H; anh Lương Quốc Đ; chị Lục Thị Th; ông Hoàng Văn T;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) Giấy biên nhận tiền đặt cọc; 02 (hai) giấy bán xe; 01 (một) Giấy mượn xe; 03 (hai) bản phô tô Giấy chứng minh nhân dân; 01 (một) giấy mượn xe của Triệu Văn M; 01 (một) quyển sổ tay nhỏ và nhiều giấy tờ có in chữ; 01 (một) tờ giấy in chữ; 01 túi xách màu đen; 06 túi bóng kính (nhựa); 03 túi bóng (nilon) dạng túi Clear bên trong có chứa nhiều giấy tờ; 02 dao phông lộn.

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án đối với các vật chứng là sổ sách, tài liệu liên quan đến việc cho vay của bị cáo Vũ Ngọc D bao gồm: 05 quyển sổ bìa xanh ký hiệu V1, V2, V4, V5, V7; 01 quyển sổ bìa màu đen ký hiệu V6; 01 quyển sổ bìa vàng ký hiệu V3; 80 giấy biên nhận vay tiền mặt; 01 quyển sổ giáo án; 03 tờ giấy biên nhận tiền mặt; 79 (bảy mươi chín) giấy in một mặt, cắt hình chữ nhật có nội dung: Công ty TNHH D S 97, hỗ trợ tài chính, cho vay lãi suất thấp, Đt 0342.766.069 (gặp D).

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B ngày 09-8-2021).

- Buộc bị cáo Vũ Ngọc D phải nộp tổng số tiền là 1.469.200.000^d (Một tỷ bốn trăm sáu mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Truy thu đối với bị cáo Vũ Ngọc D số tiền 40.604.660 đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm linh bốn nghìn sáu trăm sáu mươi đồng) sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Tiếp tục phong tỏa số tiền 6.908.800^d (Sáu triệu chín trăm linh tám nghìn tám trăm đồng) trong tài khoản 8605205039782 tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam của bị cáo Vũ Ngọc D để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng bà Nông Thị Mai S đã nộp thay cho bị cáo D tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 09/9/2021 để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Buộc người vay phải nộp để sung vào ngân sách nhà nước tổng số tiền 58.000.000 đồng gồm: Anh Dương Văn D phải nộp 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng); Anh Phạm Hoàng A 8.000.000^d (Tám triệu đồng); Anh Đặng Quốc Kh 5.000.000^d (Năm triệu đồng); Anh Lâm Ngọc H 5.000.000^d (Năm triệu đồng); Bà Dương Thị B 7.000.000^d (Bảy triệu đồng); Anh Hoàng Văn T 3.000.000^d (Ba triệu đồng).

- Buộc bị cáo Vũ Ngọc D phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền thu lời bất chính là 528.007.340^d (*Năm trăm hai mươi tám triệu không trăm linh bảy nghìn ba trăm bốn mươi đồng*), cụ thể từng người như sau: Trả cho anh Ma Nguyễn M số tiền 20.738.767 đồng; Trả cho anh Nguyễn Duy A số tiền 12.193.150 đồng; Trả cho anh Hoàng Anh D số tiền 11.436.987 đồng; Trả cho anh Ngô Duy H số tiền 566.575 đồng; Trả cho anh Dương Văn D số tiền 91.841.644 đồng; Trả cho anh Dương Đức C số tiền 6.416.438 đồng; Trả cho chị Trung Thị Tr số tiền 1.843.151 đồng; Trả cho anh Phạm Hoàng A số tiền 11.807.259 đồng; Trả cho anh Nguyễn Xuân Th số tiền 17.207.671 đồng; Trả cho bà Nông Thị Th số tiền 10.285.753 đồng; Trả cho anh Đặng Quốc Kh số tiền 3.339.041 đồng; Trả cho chị Nông Thị Đ số tiền 2.882.876 đồng; Trả cho anh Hoàng Văn C số tiền 645.205 đồng; Trả cho chị Hoàng Thị Th số tiền 466.849 đồng; Trả cho ông Hoàng Văn V số tiền 19.990.273 đồng; Trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 17.958.904 đồng; Trả cho anh Lý Văn Tr số tiền 4.494.452 đồng; Trả cho ông Lý Văn T số tiền 22.156.164 đồng; Trả cho bà Nông Thị V số tiền 4.822.466 đồng; Trả cho anh Dương Văn S số tiền 1.890.411 đồng; Trả cho anh Hoàng Văn K số tiền 1.264.384 đồng; Trả cho anh Nguyễn Văn B số tiền 472.603 đồng; Trả cho anh Lý Văn Th số tiền 3.342.466 đồng; Trả cho anh Nông Văn B số tiền 1.730.220 đồng; Trả cho anh Lê Văn V số tiền 340.274 đồng; Trả cho ông Đoàn Viết T số tiền 36.947.671 đồng; Trả cho ông Lý Văn Đ số tiền 12.935.480 đồng; Trả cho ông Triệu Kim Th số tiền 645.205 đồng; Trả cho anh Nông Ích H số tiền 311.918 đồng; Trả cho bà Đàm Thị B số tiền 1.401.370 đồng; Trả cho bà Hoàng Thị V số tiền 10.458.494 đồng; Trả cho chị Phạm Thị Y số tiền 6.963.835 đồng; Trả cho anh Vi Văn D số tiền 11.512.603 đồng; Trả cho anh Triệu Văn N số tiền 8.884.931 đồng; Trả cho anh Lường Văn Tr số tiền 464.384 đồng; Trả cho chị Hoàng Thị L số tiền 945.205 đồng; Trả cho anh Triệu Văn V số tiền 4.726.027 đồng; Trả cho anh Sầm Văn H số tiền 472.604 đồng; Trả cho anh Dương Văn V số tiền 5.141.095 đồng; Trả cho bà Vi Thị Kiều X số tiền 2.041.917 đồng; Trả cho anh Hoàng Văn Tr số tiền 48.016.439 đồng; Trả cho anh La Dương H số tiền 472.604 đồng; Trả cho bà Dương Thị Th số tiền 6.969.863 đồng; Trả cho anh Dương Văn N số tiền 4.842.466 đồng; Trả cho anh Nguyễn Văn V số tiền 782.534 đồng; Trả cho anh Trương Thế T số tiền 3.325.205 đồng; Trả cho anh Hoàng Văn T số tiền 160.685 đồng; Trả cho bà Bé Thị L số tiền 18.618.904 đồng; Trả cho anh Triệu Văn M số tiền 378.082 đồng; Trả cho bà Lục Thị Th số

tiền 9.452.054 đồng; Trả cho anh Nguyễn Văn Ph số tiền 17.698.219 đồng; Trả cho anh Lương Quốc Đ số tiền 6.839.178 đồng; Trả cho anh Chu Lý Tr số tiền 32.305.480 đồng; Trả cho anh Hoàng Văn T số tiền 170.137 đồng; Trả cho anh Lâm Ngọc H số tiền 945.205 đồng; Trả cho ông Luân Duy Ch số tiền 472.603 đồng; Trả cho bà Dương Thị B số tiền 2.173.973 đồng; Trả cho anh Triệu Đức H số tiền 113.425 đồng; Trả cho ông Hoàng Văn T số tiền 283.562 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho bị cáo Vũ Ngọc D.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện B;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện B;
- Công an huyện B;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Anh Tuấn